Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 25.01.2019 14:31:50 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1824/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải tạo đột phá chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn; phát triển mạnh công nghiệp, tạo động lực tăng trưởng kinh tế, nhất là công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp; phát huy lợi thế so sánh để phát triển du lịch.

2. Phát huy nội lực, thu hút nguồn lực trong nước và quốc tế để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, trọng tâm là hạ tầng đô thị, giao

thông, điện, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; gắn phát triển nông nghiệp và du lịch trong quan hệ tổng thể với các tỉnh trong đồng bằng sông Cửu Long và tiểu vùng MêKông mở rộng; phát triển các đô thị thành trung tâm làm hạt nhân thúc đẩy phát triển các tiểu vùng trong tỉnh.

3. Chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao; nâng cao tay nghề, kỹ năng làm việc cho người lao động; đào tạo chuyên gia về công nghệ, doanh nhân; tạo lập môi trường để thu hút nhân lực chất lượng cao về địa phương làm việc.

4. Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với thích ứng biến đổi khí hậu và nước biển dâng, phù hợp với từng ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đa mục tiêu, hiệu quả và phát triển bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung phát triển kinh tế, rút ngắn khoảng cách và trình độ phát triển chung của cả nước; xây dựng Vĩnh Long phát triển toàn diện nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ hiện đại, có ngành dịch vụ du lịch phát triển mạnh, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đồng bộ, kết nối tốt với vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đời sống người dân được cải thiện; quốc phòng an ninh được đảm bảo, trật tự xã hội được giữ vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) đến năm 2020 chiếm tỷ trọng khoảng 6% - 7% của vùng đồng bằng sông Cửu Long và chiếm khoảng 1% - 2% của cả nước; tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 6,5%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 tăng 7,5%/năm, giai đoạn 2026 - 2030 tăng 7%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 khoảng 1.950 USD, năm 2025 khoảng 2.500 USD và năm 2030 khoảng 3.600 USD. Năng suất lao động đến năm 2020 đạt 95 triệu đồng/lao động; năm 2025 đạt 137 triệu đồng/lao động và đến năm 2030 đạt 192 triệu đồng/lao động.

- Tỷ trọng nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 28%, công nghiệp - xây dựng chiếm 25,60%, dịch vụ chiếm 46,40% trong cơ cấu kinh tế vào năm 2020; tương

ứng đến năm 2025 là 23%, 28,50% và 48,50%; đến năm 2030 tương ứng là 17,80%, 32,60% và 49,60%.

- Xuất khẩu đến năm 2020 đạt khoảng 530 triệu USD, chiếm tỷ trọng khoảng 2% - 3% xuất khẩu toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long và khoảng 1% của cả nước; năm 2025 đạt 730 triệu USD; năm 2030 đạt khoảng 1 tỷ USD.

b) Về văn hóa xã hội:

- Ổn định tốc độ tăng dân số tự nhiên hàng năm ổn định ở mức 1%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 75%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 50%; tương ứng đến năm 2025 đạt 80% và 65%; đến năm 2030 đạt 85% và 75%.

- Đến năm 2020, có 12 - 15 bác sỹ/1 vạn dân và 30 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2025, có 15,5 bác sỹ/1 vạn dân và trên 33 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2030, có 17 bác sỹ/1 vạn dân và từ trên 35 - 40 giường bệnh/1 vạn dân.

- Đến năm 2020, số học sinh đến trường trong độ tuổi mẫu giáo đạt 98%, tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99%, trung học phổ thông đạt 80%; số trường các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 55%; đến năm 2025 và 2030 tiếp tục duy trì tỷ lệ huy động các cấp và tỷ lệ trường các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 80%.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 20 - 25% vào năm 2020; đến năm 2030 đạt 25 - 35%, phấn đấu xây dựng Vĩnh Long có 11 đô thị bảo đảm các tiêu chí theo quy định.

c) Về môi trường: Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2020 khu vực đô thị là 96% và khu vực nông thôn là 75%; đến năm 2025, tỷ lệ tương ứng là 98,5% và 88% và đến năm 2030, tỷ lệ tương ứng là 100% và 90%.

d) Quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội: Tăng cường quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Về nông lâm nghiệp, thủy sản

Phấn đấu tăng trưởng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 1,8%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 là 2,7%/năm và giai đoạn 2026 - 2030 là 2,6%/năm. Trong đó:

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước; phát triển các sản phẩm lúa chất lượng cao, khoai lang, cây có múi; heo, bò (kể cả bò sữa), cá tra.

Định hướng diện tích đất lúa giảm từ vùng sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu và cây ăn trái, giảm đất trồng lúa từ 71.760 ha năm 2015 xuống còn 64.500 ha năm 2020 và đến năm 2030 ổn định khoảng 50.000 ha.

Chuyển từ chăn nuôi quy mô nhỏ sang quy mô lớn, tập trung, quản lý tốt dịch bệnh, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm và gắn kết với thị trường tiêu thụ theo chuỗi giá trị bền vững; đến năm 2020 đàn heo ổn định từ 350 đến 400 ngàn con, đàn bò ổn định từ 80 - 90 ngàn con; đàn gia cầm khoảng 8 triệu con.

Tiếp tục khai thác hiệu quả những lợi thế hiện có của ngành thủy sản, khôi phục, đưa ngành thủy sản thành thế mạnh; đến năm 2020, sản lượng thủy sản đạt khoảng 126.650 tấn.

2. Về công nghiệp, xây dựng

Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, tăng trưởng nhanh ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, bảo vệ môi trường; hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp tập trung; từng bước khẳng định vị trí và đóng góp đáng kể vào phát triển công nghiệp của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Các ngành công nghiệp chính:

- Phát triển và mở rộng công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm và đồ uống; sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp dệt may, da giày; công nghiệp hóa chất, dược phẩm và thiết bị y tế.

- Công nghiệp hỗ trợ sản phẩm dệt may, da giày; công nghiệp hỗ trợ sản phẩm thức ăn chăn nuôi; ngành cơ khí sửa chữa, gia công thiết bị máy móc phục vụ sản xuất và dân dụng; sản xuất kim loại; điện tử.

- Công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp gồm cơ khí chế tạo, sửa chữa; tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống.

3. Về thương mại, dịch vụ

Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại văn minh, hiện đại với sự tham gia của các thành phần kinh tế; phát huy vai trò của thương mại trong định hướng, thúc đẩy sản xuất phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng phong phú của người dân, góp phần ổn định kinh tế và an sinh xã hội. Nâng tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế lên 46,40% vào năm 2020 và 49,6% vào năm 2030. Trong đó:

- Cải tạo nâng cấp các chợ trung tâm, trung tâm thương mại tại thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh và các huyện; phát triển chợ nông thôn, mở rộng các kênh phân phối hàng hóa, dịch vụ đến các vùng nông thôn; nâng dần tỷ trọng mức bán lẻ hàng hóa qua hệ thống phân phối hiện đại, tăng tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Tăng cường xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng cao, ổn định và bền vững; mở rộng thị trường và đa dạng ngành hàng xuất khẩu, phát triển các sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Phát triển du lịch sinh thái, đa dạng sản phẩm, loại hình và liên kết phát triển du lịch; phấn đấu doanh thu du lịch tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 15%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 là 25%/năm và giai đoạn 2026 - 2030 là 30%/năm.

- Phát triển đồng bộ các dịch vụ khác như tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, tư vấn,…

4. Về các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Đổi mới phương pháp, nội dung giáo dục và đào tạo chuyển mạnh từ trang bị kiến thức là chủ yếu sang giáo dục toàn diện trí lực, đạo đức, thẩm mỹ, thực hành; nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học, tiêu chuẩn hóa giáo viên và cán bộ quản lý.

Đến năm 2020, tỷ lệ học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đều học tiếng Anh theo chương trình mới là 100%; số học sinh đến trường trong độ tuổi mẫu giáo đạt 98%, tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99%, trung học phổ thông đạt 80%; số trường các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 55%. Đến năm 2025 và năm 2030 tiếp tục duy trì tỷ lệ huy động các cấp; tỷ lệ trường các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 80%.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Tăng cường đầu tư xây dựng bệnh viện, trung tâm y tế và trang thiết bị y tế, giảm tỷ lệ mắc bệnh, ngăn ngừa khống chế có hiệu quả các dịch bệnh, bảo đảm mọi người dân đều được cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản, tiếp cận sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng cao; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đảm bảo công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ y tế, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào dịch vụ y tế; nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống, nâng cao chất lượng dân số.

Đến năm 2020, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế trên 99%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%. Đến năm 2025 và năm 2030, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế duy trì trên 99%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

c) Văn hóa, thể dục thể thao

Tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, trường học và mỗi gia đình; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm cá nhân; ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức, lối sống trong cộng đồng dân cư. Xây dựng các công trình văn hóa trọng điểm, huyện, các thiết chế văn hóa, khu vui chơi giải trí cho trẻ em; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Phát triển nhiều loại hình thể dục thể thao, mở rộng phong trào thể dục thể thao quần chúng, khuyến khích và thường xuyên tổ chức phong trào thi đấu thể thao trong nhân dân.

d) Giảm nghèo, giải quyết việc làm và thực hiện các chính sách xã hội

Phân bổ hợp lý nguồn lực xã hội, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động xã hội thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng lao động cả về sức khỏe, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập. Chú trọng đào tạo nghề, nhất là cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm; khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư xây dựng, phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tạo nhiều việc làm cho lao động, nhất là trong các khu, cụm (tuyến) công nghiệp, khu du lịch,...; thực hiện tốt công tác giảm nghèo và hạn chế tái nghèo. Chăm lo tốt cho các đối tượng chính sách, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội; quan tâm hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn.

Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 từ 1 - 1,5%, giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 là 0,5%.

5. Về khoa học và công nghệ: Nghiên cứu triển khai các giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, bền vững; ứng dụng rộng rãi khoa học công nghệ mới, tạo bước đột phá về giống cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, công nghệ mới phục vụ cơ giới hóa từng khâu, từng công đoạn trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tăng hàm lượng khoa học và công nghệ trong các sản phẩm có thương hiệu; phát triển thị trường công nghệ.

6. Về phát triển kết cấu hạ tầng: Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư giải quyết cơ bản những nhu cầu cấp bách, thiết yếu, hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đồng bộ, kết nối tốt với khu vực và cả nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trước mắt, tập trung đầu tư những dự án có tính đột phá và tác động lan tỏa tích cực đến thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhất là yêu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch,...

a) Giao thông:

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện các dự án đường cao tốc, cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, cầu yếu trên địa bàn (quốc lộ 53, quốc lộ 54, quốc lộ 57,…), đầu tư cải tạo, nâng cao các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn, đường đến trung tâm các xã, khu dân cư. Đầu tư, nâng cấp giao thông trong các đô thị, phát triển giao thông nông thôn.

- Đầu tư nâng cấp, quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống các cảng sông hiện có (cảng Vĩnh Long, Bình Minh, An Phước) đáp ứng nhu cầu bốc dỡ, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, vận chuyển hàng hóa, nhất là qua các khu, tuyến công nghiệp.

- Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các bến xe, điểm đỗ, đón, trả khách đúng vị trí theo quy hoạch, đảm bảo đủ các khu chức năng (diện tích đỗ xe đón trả khách, phòng bán vé, phòng khách chờ, khu vệ sinh, hệ thống cứu hỏa, thoát nước…) và cơ sở vật chất phục vụ điều hành hoạt động; có đủ bãi đậu xe tập trung trong các đô thị.

b) Về thủy lợi: Từng bước hoàn thiện hệ thống thủy lợi bảo đảm cung cấp đủ nước cho sinh hoạt, sản xuất, nhất là các khu vực Vũng Liêm, Trà Ôn, Mang Thít. Tăng khả năng chủ động điều tiết lũ, kiểm soát mặn nhằm tăng diện tích được bảo đảm an toàn khi có nguy cơ ngập úng, mặn xâm nhập. Nâng cấp hệ thống đê sông phù hợp với yêu cầu của từng khu vực được bảo vệ; phòng chống sạt lở, tăng mức an toàn trong việc bảo vệ, ổn định bờ sông, kênh rạch; từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành khai thác các công trình và hệ thống thủy lợi.

c) Thông tin liên lạc: Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, đảm bảo hỗ trợ tốt chương trình cải cách và hiện đại hóa nền hành chính; thực hiện, cung cấp các dịch vụ công, chính quyền điện tử; đảm bảo an toàn an ninh thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

d) Điện lực: Tiếp tục đầu tư phát triển mới và cải tạo hệ thống lưới điện trung, hạ thế và trạm biến áp hiện có, đảm bảo an toàn, liên tục, phục vụ tốt cho nhu cầu

sản xuất tại các khu, cụm (tuyến) công nghiệp, làng nghề và sinh hoạt của người dân, đi đôi với tiết kiệm, giảm hao phí điện năng.

đ) Cấp thoát nước

Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các đô thị, khu dân cư đảm bảo yêu cầu nước sạch sinh hoạt và sản xuất. Tiếp tục đầu tư hệ thống cấp, thoát nước gắn với công tác quy hoạch xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị, các khu dân cư tập trung, bệnh viện, trường học.

7. Về bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai; thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường các vùng sản xuất nông nghiệp và thủy sản tập trung, các khu du lịch, bảo vệ đa dạng sinh học; tăng cường xử lý ô nhiễm nước thải, chất thải công nghiệp, nước thải đô thị, chủ động phòng chống thiên tai, ứng cứu kịp thời các sự cố môi trường.

b) Nâng cao chất lượng dự báo và chủ động ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; đầu tư nghiên cứu, điều chỉnh cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi để thích ứng với biến đổi khí hậu; tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững trong cộng đồng; nâng cao năng lực và trách nhiệm của cộng đồng trong phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Tăng cường năng lực hệ thống quản lý môi trường ở các cấp; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường. Quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước đảm bảo tính bền vững và bảo vệ môi trường trước diễn biến của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; xử lý tốt các vấn đề môi trường không khí, đất đai, rác thải,....

d) Bố trí, sắp xếp lại dân cư ở các vùng có nguy cơ ảnh hưởng nhiều do thiên tai, biến đổi khí hậu, vùng có nguy cơ sạt lở; tạo sinh kế, cải thiện và ổn định đời sống cho người dân bị ảnh hưởng.

8. Về liên kết phát triển

Thực hiện liên kết vùng và liên kết trên các lĩnh vực nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh đối với vùng, liên kết bảo đảm nguyên tắc hài hòa lợi ích, trách nhiệm và bình đẳng, góp phần khẳng định vai trò, vị thế của Vĩnh Long trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tập trung ưu tiên liên kết vùng theo 3 lĩnh vực, đó là: (i) sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đối với các mặt hàng

nông sản, đặc biệt là tập trung xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực của vùng như lúa gạo, trái cây và thủy sản; (ii) xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông; (iii) đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi.

Tăng cường liên kết với tần suất nhiều hơn nữa với các địa phương lân cận, đặc biệt với thành phố Cần Thơ trong sản xuất nông nghiệp thủy sản, du lịch, xúc tiến đầu tư, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

9. Về quốc phòng an ninh: Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng các khu vực phòng thủ vững chắc; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống; xây dựng lực lượng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm, tạo chuyển biến vững chắc về trật tự, an toàn xã hội.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phân vùng phát triển

- Vùng trung tâm phát triển kinh tế động lực, bao gồm thành phố Vĩnh Long, huyện Long Hồ và huyện Mang Thít. Trong đó, thành phố Vĩnh Long là hạt nhân, động lực phát triển kinh tế chung, vùng trung tâm kết nối với nội tỉnh, hướng đến các vùng đối trọng phía Tây và Vùng đô thị hóa phía Đông, Nam thông qua các quốc lộ 1, 53, tuyến đường ven sông Tiền, sông Cổ Chiên đến vùng đô thị hóa phía Đông Nam.

- Vùng đối trọng phía Tây bao gồm thị xã Bình Minh, huyện Tam Bình và huyện Bình Tân. Trọng tâm, động lực chính là thị xã Bình Minh, huyện Tam Bình mang tính kết nối phát triển thương mại giữa hai thành phố Vĩnh Long và Cần Thơ, là trung tâm giao dịch, đầu mối nông sản của Vĩnh Long.

- Vùng đô thị phía Đông Nam bao gồm huyện Vũng Liêm, huyện Trà Ôn. Trọng tâm của vùng, lấy thị trấn Vũng Liêm và thị trấn Trà Ôn làm động lực chính.

Tập trung phát triển thương mại tại các đô thị của vùng; giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục đầu tư phát triển đô thị thương mại hướng đến vùng đô thị phía Đông của tỉnh gắn với đô thị Vũng Liêm.

2. Không gian phát triển các ngành chủ lực

a) Vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản

- Vùng chuyên canh lúa đặc sản xuất khẩu, rau màu: Tập trung khai thác các điều kiện thuận lợi ở các huyện như: Tam Bình, Vũng Liêm, Trà Ôn và một số xã của huyện Mang Thít, Long Hồ, Bình Tân và Thị xã Bình Minh. Diện tích đất canh tác lúa của riêng các huyện này khoảng 75% đất canh tác lúa của toàn tỉnh.

- Vùng chuyên canh cây ăn trái: Hình thành vùng cây ăn trái ở khu vực đất cao tại các huyện ven sông Tiền, sông Hậu; tập trung vào một số cây truyền thống, có thương hiệu và khả năng xuất khẩu cao như: cam (Tam Bình, Trà Ôn), nhãn (Long Hồ), bưởi (Bình Minh) và chôm chôm (Long Hồ, Trà Ôn); đồng thời, các khu vực này vừa kết hợp trồng cây ăn trái với dịch vụ du lịch để tăng thêm nguồn thu nhập, cải thiện cuộc sống cho người dân.

- Vùng nuôi trồng thủy sản hàng hóa: các vùng chuyên canh thủy sản cần được hình thành ở các vùng bãi bồi ven sông và được phân bố theo hướng: (i) vùng ven sông Tiền, sông Hậu và các cù lao thuộc huyện Long Hồ, Vũng Liêm, Trà Ôn, Bình Minh; (ii) vùng nuôi cá kết hợp lúa 2 vụ chủ yếu thuộc các huyện Trà Ôn, Vũng Liêm; (iii) vùng ao nuôi thủy sản và mương vườn thuộc các huyện Tam Bình, Trà Ôn, Long Hồ, Mang Thít và một phần thị xã Bình Minh.

b) Vùng sản xuất công nghiệp

Tập trung đầu tư mới 02 khu và 02 cụm công nghiệp tập trung: Khu công nghiệp Bình Tân, huyện Bình Tân (400 ha) và khu công nghiệp Đông Bình, thị xã Bình Minh (350 ha); cụm công nghiệp thành phố Vĩnh Long tại xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long (khoảng 50 ha) và cụm công nghiệp Phước Trường - Phước Thọ, huyện Vũng Liêm (khoảng 48,7 ha). Trong điều kiện thuận lợi có thể phát triển thêm các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

- Vùng công nghiệp 1 (dọc sông Tiền và sông Cổ Chiên) bao gồm các địa phương dọc theo sông Tiền là thành phố Vĩnh Long và các huyện Long Hồ, Mang Thít và Vũng Liêm với diện tích khoảng 710,6 km^2 và số dân khoảng 567.543 người, chiếm 46,7% về diện tích và 54,3% về dân số của tỉnh. Định hướng phát triển ngành chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống; chế biến thức ăn chăn nuôi; sản xuất vật liệu xây dựng (xi măng, gạch các loại); dược phẩm; may mặc; da giày; cơ khí,...

- Vùng công nghiệp 2 (dọc sông Hậu) bao gồm các huyện Bình Tân, Tam Bình, Trà Ôn và thị xã Bình Minh với diện tích khoảng 809,57 km^2 và dân số khoảng 477.657 người, chiếm 53,3% diện tích và 45,7% dân số của tỉnh.

3. Phát triển đô thị và nông thôn

a) Không gian đô thị: Phát triển đô thị nhằm tạo điều kiện phát triển các ngành phi nông nghiệp, từng bước xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị văn minh, hiện đại.

Định hướng như sau:

- Đến năm 2020: Tập trung các nguồn lực nâng cấp, phát triển thành phố Vĩnh Long đạt đô thị loại II và thị xã Bình Minh đạt đô thị loại III vào năm 2020; thành lập thị trấn Tân Quới, huyện Bình Tân; nâng cấp 4 xã của thành phố Vĩnh Long lên phường (Tân Hòa, Tân Hội, Trường An, Tân Ngãi).

- Đến năm 2030: Nâng cấp 2 đô thị lên đô thị loại IV (thị trấn Trà Ôn, thị trấn Vũng Liêm) và thành lập 3 đô thị mới là đô thị loại V (Phú Quới, Cái Ngang, Hựu Thành); đến năm 2030, xây dựng Vĩnh Long có 11 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại II là thành phố Vĩnh Long, 1 đô thị loại III là thị xã Bình Minh, 2 đô thị loại IV gồm: thị trấn Trà Ôn, thị trấn Vũng Liêm và 7 đô thị loại V gồm các thị trấn: Long Hồ, Tam Bình, Cái Nhum, Tân Quới, Phú Quới, Cái Ngang, Hựu Thành.

b) Không gian kinh tế - xã hội nông thôn

- Hình thái dân cư nông thôn theo tuyến, cụm dân cư trong khu vực chuyên lúa, gắn kết các hình thái dân cư này với mô hình du lịch cộng đồng; quy hoạch xây dựng xã theo mô hình nông thôn mới, đảm bảo về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; hình thành các vùng chuyên canh lớn cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

- Tổ chức dân cư theo mô hình tập trung tại trung tâm xã và điểm dân cư tập trung. Tổ chức lại dân cư phân tán trong nội đồng, trên các tuyến kênh rạch vùng sâu vào các điểm dân cư tập trung; quy hoạch, cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt giao thông, cấp nước, cấp điện theo xu hướng tiếp cận nếp sống đô thị; hình thành các tuyến dân cư nông thôn theo các trục hành lang chính kết nối với các đô thị nhằm khai thác hạ tầng sẵn có.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư toàn xã hội:

- Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng; tích cực vận động thu hút nguồn vốn ODA, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, quan tâm thu hút nhà đầu tư có tiềm lực lớn, khả năng triển khai thực hiện dự án nhanh; mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO, PPP,…

- Phát triển thị trường vốn, các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư; huy động vốn đầu tư trong dân, các doanh nghiệp đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh; đồng thời, triển khai các cơ chế chính sách huy động tối đa mọi nguồn vốn đầu tư vào tỉnh.

- Cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh; tăng cường và đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư vào sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương thông qua thực hiện các chương trình mục tiêu, các chương trình phát triển cơ chế, chính sách ưu đãi phát triển của vùng. Chủ động lựa chọn và ưu tiên thực hiện các dự án trọng điểm, động lực; đồng thời, có phân kỳ đầu tư cho phù hợp với khả năng huy động và cân đối ngân sách hàng năm.

2. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực và thu hút nhân tài

- Xã hội hóa giáo dục, đào tạo nghề, thu hút đầu tư các trường, cơ sở đào tạo với trang thiết bị hiện đại; mở rộng liên kết, hợp tác đào tạo với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo có chất lượng để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, kỹ năng nghề giỏi, tác phong và tính kỷ luật trong lao động.

- Khuyến khích các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động liên kết trong đào tạo lao động, đáp ứng kịp thời nhu cầu lao động cho doanh nghiệp, sử dụng lao động có hiệu quả nguồn lao động đào tạo.

- Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng phát huy tính chủ động và sáng tạo của người học, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội và tính tiếp cận thực tế; thực hiện khảo sát đánh giá chất lượng nguồn nhân lực đào tạo, đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của thị trường để có giải pháp cải tiến phù hợp.

- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu áp dụng khoa học công nghệ và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện tốt các chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, lao động có trình độ cao và tạo điều kiện làm việc để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật về công tác lâu dài tại tỉnh, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học.

3. Giải pháp tăng cường cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tập trung cải thiện những chỉ số thành phần còn thứ hạng thấp của tỉnh như: Tính minh bạch, tính năng động, dịch vụ hỗ trợ và đào tạo lao động; xây dựng chính quyền điện tử có nền hành chính hiện đại, minh bạch, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo; cung cấp các dịch vụ công mức độ cao trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

- Điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ những văn bản có nội dung không phù hợp; có các cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp tư nhân; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp các hộ kinh doanh yên tâm đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động, hỗ trợ hộ kinh doanh liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp; đổi mới sáng tạo và hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp; xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng cho mọi thành phần doanh nghiệp, đặc biệt trong tiếp cận thông tin, đất đai, các chính sách hỗ trợ,…

4. Giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường

- Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ, tăng cường phổ biến thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin kinh tế thị trường; tạo điều kiện cho các nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà sản xuất liên kết thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các dự án sản xuất thử nghiệm; khuyến khích sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong áp dụng các thành tựu khoa khọc và công nghệ, nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, sản xuất giống, bảo quản; trong công nghiệp, ưu tiên lựa chọn công nghệ thích hợp cho công nghệ chế biến nông nghiệp, thủy sản.

- Bảo vệ và cải thiện môi trường để phát triển bền vững, tập trung vào quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường các vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi tập trung, các khu du lịch; tăng cường công tác xử lý ô nhiễm nước thải, chất thải công nghiệp, nước thải đô thị, chủ động phòng chống thiên tai; kiểm soát ô nhiễm môi trường; hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, đô thị; tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

5. Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư

- Xây dựng và triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ đầu tư, danh mục mời gọi đầu tư, các chính sách hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã,… cho phù hợp với định hướng thu hút đầu tư vào tỉnh.

- Xây dựng chương trình, dự án kêu gọi đầu tư: Trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, lập các dự án có khả năng mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao; thực hiện các chính sách thông thoáng, phù hợp với điều kiện của tỉnh để thu hút các thành phần kinh tế trong tỉnh, trong nước và ngoài nước đến đầu tư; thu hút kiều bào ở nước ngoài về quê hương đầu tư.

- Nghiên cứu, đề xuất một số cơ chế đặc biệt (về lĩnh vực thuế, đất đai,...) cho nhà đầu tư đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng phát triển du lịch, thương mại,...

6. Giải pháp tăng cường hợp tác và phối hợp

- Phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương trong vùng xác định rõ từng lĩnh vực, từng nội dung công việc, tạo điều kiện mở rộng thị trường, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp; phối hợp trong lập quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình do các bộ, ngành quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện hợp tác, liên kết phát triển trong vùng, trong nước và quốc tế, ưu tiên hợp tác những vấn đề về thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, xây dựng phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, khoa học công nghệ, du lịch...

- Liên kết của các thành phần kinh tế trong sản xuất, phân phối nhằm đảm bảo cung ứng hàng hóa và dịch vụ kịp thời, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và tiêu thụ nông sản; liên doanh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các công ty nước ngoài.

7. Tăng cường quốc phòng an ninh

Kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội; nâng cao tiềm lực quốc phòng và vai trò tham mưu của cơ quan quốc phòng an ninh tại địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện điều chỉnh Quy hoạch

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020 cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh ngay sau khi được Thủ tướng Chính

phủ ký ban hành. Căn cứ nội dung của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt kết quả.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra những sản phẩm chủ lực.

- Cụ thể hóa nội dung của Quy hoạch điều chỉnh bằng các kế hoạch trung hạn, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

2. Các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

- Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trong quá trình thực hiện điều chỉnh Quy hoạch.

- Phối hợp với tỉnh Vĩnh Long trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện điều chỉnh Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 1824/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
I	**CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ**		
1	Bảo tàng nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long		x
2	Cống Vũng Liêm; Cống Bào Môn; Cống Mương Điều; Cống Rạch Tra (kiểm soát mặn)	x	x
3	Hạ tầng nuôi cá tra tập trung	x	x
II	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN DO TỈNH QUẢN LÝ**		
1	Đề án nghiên cứu khả thi về phát triển bền vững nông nghiệp công nghệ cao của Israel tại tỉnh Vĩnh Long	x	x
2	Đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	x	x
3	Đề án nghiên cứu ứng dụng, chọn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu	x	x
4	Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030	x	x
5	Đề án tái cơ cấu ngành công thương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	x	x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
6	Đề án nâng cao chuỗi giá trị gia tăng ngành sản xuất gốm đỏ tỉnh Vĩnh Long	x	x
7	Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2020.	x	
8	Đề án thành lập bảo tàng nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long	x	x
9	Đề án xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Vĩnh Long	x	x
10	Chương trình xây dựng nông thôn mới	x	x
11	Dự án kè sông Cổ Chiên - thành phố Vĩnh Long	x	
12	Dự án kè chống sạt lở bờ sông thị xã Bình Minh	x	x
13	Dự án đê bao sông Măng Thít (giai đoạn 2)	x	x
14	Dự án hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản	x	x
15	Dự án kè chống sạt lở bờ sông khu vực thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ	x	
16	Dự án đê bao chống ngập thành phố Vĩnh Long - khu vực sông Cái Cá	x	
17	Dự án hệ thống thủy lợi các xã: Song Phú, Phú Lộc, Hậu Lộc, Hòa Lộc, Mỹ Lộc, huyện Tam Bình	x	
18	Dự án đê bao dọc sông Hậu tỉnh Vĩnh Long	x	x
19	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tam Bình - Long Hồ	x	
20	Dự án thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ phục vụ sản xuất nông nghiệp - thủy sản	x	x
21	Dự án hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt xã Thanh Bình và xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm	x	x
22	Dự án cải tạo, nâng cấp các đường tỉnh	x	x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
23	Dự án đường giao thông phát triển hạ tầng du lịch 4 xã cù lao huyện Long Hồ	x	
24	Dự án cầu Quới An trên Đường tỉnh 902		x
25	Dự án nâng cấp, phát triển hệ thống đường giao thông đô thị	x	x
26	Dự án đường từ Quốc lộ 53 đến đường Võ Văn Kiệt	x	
27	Dự án đường từ Quốc lộ 53 - khu công nghiệp Hòa Phú		x
28	Dự án đường Võ Văn Kiệt (Đoạn 1: Mậu Thân - Nguyễn Huệ)	x	
29	Dự án đường Võ Văn Kiệt (đoạn 3) từ cầu Cái Cam 2 đến đường tránh quốc lộ 1A	x	
30	Dự án cầu và đường đến trung tâm xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn	x	x
31	Dự án cầu và đường đến trung tâm xã Thành Trung, huyện Bình Tân	x	x
32	Dự án xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cấp nước nông thôn	x	x
33	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải thành phố Vĩnh Long và thị xã Bình Minh	x	x
34	Các dự án phòng chống, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	x	x
35	Dự án hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành từ cấp tỉnh tới cấp xã	x	x
36	Dự án cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	x	
37	Dự án trường Văn hóa nghệ thuật		x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
38	Dự án trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn và huyện Mang Thít	x	x
39	Dự án trung tâm Hội nghị tỉnh Vĩnh Long	x	
40	Dự án bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	x	
41	Dự án trung tâm văn hóa thành phố Vĩnh Long	x	
42	Các dự án nâng cấp, phát triển đô thị	x	x
43	Dự án tổ chức một số mô hình du lịch cộng đồng ở Vĩnh Long	x	x
44	Dự án kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tỉnh	x	x
45	Dự án bảo tồn và phát huy các di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh	x	x
46	Dự án trung tâm lưu trữ dữ liệu văn hóa vật thể và phi vật thể tỉnh	x	x
47	Dự án trùng tu khu mộ thân nhân danh thần Thoại Ngọc Hầu	x	
48	Dự án điểm du lịch quốc gia Văn Thánh miếu		x
III	**CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ**		
1	Dự án khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x	x
2	Dự án nhà máy chế biến các sản phẩm từ khoai lang, cây có múi, cây lương thực và các loại rau, củ, quả	x	x
3	Dự án nhà máy chế biến các sản phẩm từ bò, heo, cá và các loại gia cầm	x	x
4	Dự án trung tâm giao dịch hàng nông sản Bình Minh	x	x
5	Dự án nuôi thủy sản nước ngọt ứng dụng công nghệ cao phục vụ xuất khẩu, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ	x	x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
6	Dự án hợp tác, liên kết xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất chuối và các loại trái cây xuất khẩu, huyện Trà Ôn	x	x
7	Dự án phát triển vùng nguyên liệu cam sành và các loại trái cây xuất khẩu, huyện Trà Ôn	x	x
8	Dự án đầu tư trang trại trồng rau, màu an toàn xuất khẩu	x	x
9	Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi bò tập trung và chế biến các sản phẩm chất lượng cao từ bò thịt	x	x
10	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung an toàn thực phẩm, huyện Long Hồ	x	x
11	Dự án hợp tác xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao	x	x
12	Dự án hợp tác xây dựng vùng sản xuất cây ăn trái xuất khẩu	x	x
13	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy sấy lúa, chế biến lương thực, thực phẩm	x	x
14	Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi bò tập trung và chế biến các sản phẩm chất lượng cao từ bò thịt	x	x
15	Dự án đầu tư Khu công nghiệp Đông Bình, thị xã Bình Minh	x	x
16	Dự án đầu tư Khu công nghiệp Bình Tân, huyện Bình Tân	x	x
17	Dự án đầu tư Khu công nghiệp An Định, huyện Măng Thít	x	x
18	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp thành phố Vĩnh Long	x	x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
19	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp ấp Phước Trường - Phước Thọ, huyện Vũng Liêm	x	x
20	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm	x	x
21	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Phú Long A, huyện Long Hồ	x	x
22	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Phú Long B, huyện Long Hồ	x	x
23	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Thuận An, thị xã Bình Minh	x	x
24	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Thành, huyện Trà Ôn	x	x
25	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Mỹ Lợi, huyện Trà Ôn	x	x
26	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Tân Bình, huyện Bình Tân	x	x
27	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Tân Quới, huyện Bình Tân	x	x
28	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Ấp Ba, huyện Mang Thít	x	x
29	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Ấp Nhất B, huyện Mang Thít	x	x
30	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất linh kiện, thiết bị điện - điện tử	x	x
31	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm - mỹ phẩm	x	x
32	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thực phẩm đóng hộp	x	x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
33	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị điện gia dụng	x	x
34	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị cơ giới nông nghiệp	x	x
35	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm về khoai lang	x	x
36	Dự án đầu tư xây dựng ngành công nghiệp phụ trợ	x	x
37	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc thú y và thủy sản	x	x
38	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến phụ chế phẩm thủy sản	x	x
39	Dự án chế biến rau, củ, quả xuất khẩu	x	x
40	Dự án sản xuất hóa chất phục vụ nông nghiệp	x	x
41	Dự án sản xuất máy và phụ tùng nông nghiệp	x	x
42	Dự án sản xuất linh kiện và thiết bị điện tử	x	x
43	Đầu tư nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh	x	x
44	Dự án sản xuất các loại nước quả tươi	x	x
45	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống dây chuyền sấy lúa xuất khẩu	x	x
46	Dự án đầu tư nhà máy tinh bột khoai lang tỉnh Vĩnh Long	x	x
47	Dự án đầu tư, kinh doanh khách sạn nhà hàng tiêu chuẩn 5 sao	x	x
48	Dự án trung tâm thương mại phường 8, thành phố Vĩnh Long	x	x
49	Dự án trung tâm thương mại, công nghiệp - dịch vụ, đô thị Bình Minh	x	x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
50	Dự án trung tâm thương mại - dịch vụ huyện Long Hồ	x	x
51	Dự án chợ và phố chợ Cầu Đôi, huyện Long Hồ	x	x
52	Dự án chợ và phố chợ Long Hiệp, xã Long An, huyện Long Hồ	x	x
53	Dự án khu thương mại dịch vụ thị trấn Long Hồ	x	x
54	Dự án khu thương mại dịch vụ ấp Thanh Mỹ 1, huyện Long Hồ	x	x
55	Dự án trung tâm thương mại - dịch vụ thị trấn Trà Ôn	x	x
56	Dự án trung tâm thương mại thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít	x	x
57	Dự án chợ và phố chợ xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm	x	x
58	Dự án trung tâm thương mại - dịch vụ Tân Quới, huyện Bình Tân	x	x
59	Dự án Khu thương mại dịch vụ Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình	x	x
60	Dự án bến xe khách kết hợp trung tâm thương mại tỉnh Vĩnh Long	x	x
61	Dự án trung tâm triển lãm - hội chợ	x	x
62	Dự án khu thương mại - đô thị - dịch vụ Bắc Mỹ Thuận, thành phố Vĩnh Long	x	x
63	Dự án khu đô thị sinh thái Cồn Chim - thành phố Vĩnh Long	x	x
64	Dự án trung tâm giao dịch hàng nông sản - Chợ đầu mối nông sản	x	x
65	Dự án trung tâm thương mại Long Châu	x	x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
66	Dự án khu đô thị trung tâm hành chính tỉnh Vĩnh Long, thành phố Vĩnh Long	x	x
67	Dự án khu đô thị sinh thái nông nghiệp An Bình, huyện Long Hồ	x	x
68	Dự án khu phức hợp vui chơi giải trí, trung tâm thể dục thể thao cao cấp An Bình, huyện Long Hồ	x	x
69	Nâng cấp các cảng hiện có	x	x
70	Dự án bến xe mới thị xã Bình Minh	x	x
71	Dự án bến tàu nội địa An Bình, huyện Long Hồ	x	x
72	Dự án trạm điện Vĩnh Long 2220/110KV	x	x
73	Dự án trạm điện Vĩnh Long 110/22 KV	x	x
74	Dự án trạm điện Vũng Liêm 110/22 KV	x	x
75	Dự án trạm điện Bình Minh 110/22 KV	x	x
76	Dự án trạm điện khu công nghiệp Hòa Phú 110/22 KV	x	x
77	Dự án trạm điện Trà Ôn 110/22 KV	x	x
78	Dự án trạm điện tuyến công nghiệp Cổ Chiên 110/22 KV	x	x
79	Dự án trạm điện Bình Tân 110/22 KV	x	x
80	Dự án nâng cấp hệ thống cấp nước tại các đô thị	x	x
81	Dự án hệ thống xử lý chất thải y tế, công nghiệp và nguy hại	x	x
82	Dự án nâng công suất nhà máy nước Trường An	x	x
83	Dự án nhà máy nước Thành Lợi	x	x
84	Dự án nhà máy nước khu công nghiệp Bình Minh, Đông Bình, Hòa Phú, An Định, Bình Tân	x	x
85	Dự án nhà máy nước thị trấn Long Hồ, Trà Ôn, Tân Quới...	x	x

TT	Tên các chương trình/dự án	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
86	Dự án ngầm hóa hạ tầng viễn thông thụ động và kinh doanh	x	x
87	Dự án khu nhà ở xã hội tại khu tái định cư - dân cư Bắc Mỹ Thuận giai đoạn 2, thành phố Vĩnh Long	x	x
88	Dự án khu nhà ở xã hội phường 9, thành phố Vĩnh Long	x	x
89	Dự án khu nhà ở xã hội khóm 5, thị trấn Long Hồ	x	x
90	Dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp	x	x
91	Dự án xây dựng khu hành chính tỉnh	x	x
92	Dự án bệnh viện Sản nhi tỉnh	x	x
93	Dự án bệnh viện Phụ sản chất lượng cao	x	x
94	Dự án nghĩa trang nhân dân - thành phố Vĩnh Long; thị xã Bình Minh	x	x
95	Dự án công viên nghĩa trang thị xã Bình Minh	x	x
96	Dự án khu liên hợp văn hóa - thể thao, du lịch Cái Ngang	x	x
97	Dự án văn hóa du lịch thiền viện Vạn Chuông, huyện Long Hồ	x	x
98	Dự án khu du lịch sinh thái Đồng Phú, xã An Bình huyện Long Hồ	x	x
99	Dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Cồn Giông, thành phố Vĩnh Long	x	x
100	Dự án khu du lịch Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh	x	x

Ghi chú: Vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các chương trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.